TỪ TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NĂM 1945 ĐẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: SỰ PHÁT TRIỂN NỘI HÀM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Quý
Vụ Trung học, Bộ Giáo dục và Đào tạo
Nguyễn Thị Nguyệt
Trường THCS Nguyễn Du, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tóm tắt: *Quyền con người là một giá trị phổ quát được công nhận và bảo vệ trên toàn thế giới. Ở Việt Nam, tư tưởng về quyền con người đã được khẳng định trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lấy cảm hứng từ các tuyên ngôn nhân quyền nổi tiếng thế giới. Đây không chỉ là tuyên ngôn độc lập dân tộc mà còn là tuyên ngôn về quyền con người, khẳng định quyền bình đẳng và tự do của mọi người dân. Trải qua các thời kỳ lịch sử, Đảng Cộng sản Việt Nam đã không ngừng cụ thể hóa và phát triển các giá trị nhân quyền thông qua nhiều văn kiện quan trọng. Bài viết này phân tích sự phát của nội hàm quyền con người ở Việt Nam, từ những tư tưởng Hồ Chí Minh đến những Văn kiện Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghiên cứu làm rõ cách Việt Nam đã thích ứng với bối cảnh xã hội, những thách thức mới trong quá trình hội nhập quốc tế, và các xu hướng phát triển toàn cầu như kinh tế số, chuyển đổi xanh, cũng như các quyền của các nhóm yếu thế. Những phân tích này góp phần làm sâu sắc thêm tư liệu nghiên cứu về quyền con người tại Việt Nam, đồng thời có ý nghĩa tham khảo quan trọng cho việc hoạch định và thực thi các chính sách đảm bảo quyền con người trong giai đoạn hiện nay.*
Từ khóa: *Đại hội XIII; Hồ Chí Minh; hội nhập quốc tế; quyền con người; Tuyên ngôn Độc lập.*
Nhận bài ngày 20.07.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.9.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Quý; email: ntquy@moet.gov.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quyền con người được coi là giá trị phổ quát, là những quyền tự nhiên, vốn có của mỗi cá nhân và được áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi người, không phân biệt dân tộc, giới tính, tôn giáo hay địa vị xã hội. Đây không chỉ là nền tảng để đảm bảo sự tôn trọng phẩm giá của con người mà còn là tiêu chuẩn cốt lõi của một xã hội tiến bộ. Tuy nhiên, nội hàm của quyền con người không phải là một khái niệm tĩnh; nó thay đổi và phát triển theo thời gian, phản ánh sự tiến bộ của xã hội và những thách thức mới nảy sinh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Ở Việt Nam, nội hàm quyền con người đã trải qua quá trình thay đổi và phát triển đáng kể từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn những nguyên lý trong Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp trong Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945, cho đến các văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là Văn kiện Đại hội XIII. Quá trình này phản ánh sự kế thừa giá trị truyền thống, đồng thời thích nghi với bối cảnh quốc gia và quốc tế, nhằm khẳng định và phát huy quyền con người phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Nhiều công trình nghiên cứu đã đi sâu phân tích các khía cạnh liên quan đến quyền con

người ở Việt Nam, bao gồm các giá trị nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh, sự thể hiện trong Hiến pháp, và việc thực hiện các công ước quốc tế về quyền con người. Tiêu biểu có thể kể đến nghiên cứu của Hoàng Văn Nghĩa [1]; Nguyễn Đức Thăng [2] hay Nguyễn Thị Nguyên Ngọc [3]... Tuy nhiên, vẫn còn khoảng trống trong việc tổng hợp và đánh giá sự phát triển của nội hàm quyền con người từ *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, với góc nhìn toàn diện, hệ thống và mang tính liên kết lịch sử. Bài viết này phân tích sự phát triển của nội hàm quyền con người qua từng giai đoạn lịch sử, từ đó khẳng định vai trò của Việt Nam trong việc bảo đảm quyền con người, không chỉ trên phương diện lý luận mà còn qua các chính sách thực tiễn. Điều này không chỉ góp phần làm phong phú thêm tư liệu nghiên cứu mà còn góp phần làm rõ định hướng và chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam về sự phát triển nội hàm quyền con người trong bối cảnh mới.

2. NỘI DUNG

2.1. Quyền con người là một giá trị phổ quát nhưng nội hàm luôn thay đổi

Các nhà triết học thời Khai sáng đã tạo ra các học thuyết giữ vai trò nền tảng trong việc xây dựng khái niệm quyền con người. Theo John Locke (Two Treatises of Government, 1689), con người có quyền tự nhiên như quyền sống, quyền tự do và quyền sở hữu tài sản. Các quyền này không phụ thuộc vào nhà nước mà tồn tại độc lập và phổ quát [4]. Immanuel Kant (1797) khẳng định quyền con người dựa trên nhân phẩm và lý trí của con người, điều này củng cố nguyên tắc bình đẳng và phổ quát. Về cơ bản, các triết gia thời kì này đều khẳng định mọi cá nhân có giá trị nội tại và đáng được tôn trọng. Quyền con người là công cụ bảo vệ nhân phẩm và bình đẳng. Các văn kiện quốc tế về quyền con người, đặc biệt là *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948)* - tạo tiền đề cho các công ước quốc tế khác, tiêu biểu *Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR, 1966)* và *Công ước Quốc tế về Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR, 1966)* [5]. Các văn bản pháp lí đó ra đời để ngăn chặn những vi phạm nghiêm trọng đối với nhân phẩm. Sự đồng thuận quốc tế về tính phổ quát được củng cố qua sự tham gia của hầu hết các quốc gia vào các Công ước quốc tế về quyền con người.

Quyền con người không phải là một khái niệm bất biến, mà luôn thay đổi và phát triển theo thời gian. Điều này phản ánh sự tiến hóa của xã hội, các giá trị đạo đức, và những bối cảnh lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị khác nhau. Cụ thể. Trong thời kỳ cổ đại và trung cổ, quyền con người chỉ được thừa nhận cho một số nhóm người nhất định, như tầng lớp quý tộc hoặc những người có đặc quyền. Những người nô lệ hoặc phụ nữ không được hưởng các quyền cơ bản. Đến thế kỉ XVIII, các nhà triết học khai sáng như John Locke, Rousseau đã mở rộng nhận thức về quyền tự do, bình đẳng và quyền sở hữu như quyền tự nhiên. Sau Thế chiến II, quyền con người trở thành giá trị phổ quát được quốc tế công nhận thông qua Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948). Các quyền này bao gồm quyền được sống, tự do biểu đạt, và không bị phân biệt đối xử. Sau này, quyền con người được hiểu rộng hơn, bao gồm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa và quyền của các nhóm yếu thế, như quyền của người khuyết tật, quyền của cộng đồng thuộc giới tính thứ ba (LGBTQ+). Ngoài ra, các vấn đề mới như quyền tiếp cận internet, quyền riêng tư dữ liệu và quyền của con người trong môi trường kỹ thuật số đã được bổ sung. Có thể thất rằng nội hàm của quyền con người luôn thay đổi, không chỉ phản ánh sự phát triển của nhận thức xã hội mà còn đáp ứng các thách thức mới của thời đại. Đây là quá trình linh hoạt và liên tục, nhằm đảm bảo quyền con người luôn giữ vai trò trung tâm trong việc xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và tiến bộ.

Quyền con người vừa mang tính phổ quát là những giá trị cốt lõi và tự nhiên của con

người, vừa có nội hàm linh hoạt, không ngừng phát triển và mở rộng để thích nghi với sự tiến bộ của xã hội và các thách thức mới của thời đại.

2.2. Quyền con người trong lịch sử Việt Nam và sự liên hệ với nội hàm nội tại

Quyền con người tại Việt Nam là sự kết hợp giữa giá trị phổ quát và yếu tố bản địa, phát triển qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Quá trình phát triển quyền con người tại Việt Nam là sự kế thừa truyền thống nhân văn và tinh thần yêu nước từ lịch sử, được mở rộng qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Từ tư tưởng "lấy dân làm gốc" trong triều đại phong kiến nhà Lý (1009-1225), nhà Trần (1226 - 1400) thể hiện sự coi trọng đời sống và quyền lợi của nhân dân cho đến các bộ luật như Bộ luật Hình thư thời nhà Lý (năm 1042), Bộ luật Hình thư thời nhà Trần (năm 1341), Bộ luật Hồng Đức (Quốc triều Hình luật, năm 1483) thời Hậu Lê (1428-1789) là một minh chứng nổi bật về tinh thần nhân văn trong pháp luật phong kiến. Trong đó Bộ luật Hồng Đức "rất xứng đáng được coi như bộ luật nhân quyền đầu tiên của người Việt, xứng đáng được xếp vào danh sách những bộ luật cổ tiêu biểu của thế giới về quyền con người" [6]. Bộ luật Hồng Đức phản ánh sự bảo vệ quyền phụ nữ, quyền sở hữu và quyền sống, cụ thể Điều 388 của Bộ luật Hồng Đức quy định bảo vệ quyền lợi của phụ nữ trong hôn nhân và gia đình, cho phép họ ly hôn khi bị đối xử bất công, thể hiện sự coi trọng quyền tự quyết của phụ nữ. Hay như Điều 586 bảo vệ quyền sở hữu đất đai, đặc biệt cho phép phụ nữ được hưởng thừa kế tài sản. Đây là một bước tiến lớn trong việc tôn vinh quyền bình đẳng giới ở thời kỳ phong kiến.

Lịch sử Việt Nam trải qua hàng ngàn năm chống lại sự xâm lược của các thế lực ngoại bang, từ phương Bắc đến phương Tây. Những cuộc kháng chiến này không chỉ nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, mà còn là sự khẳng định quyền sống, quyền tự do và phẩm giá của con người nhằm mục tiêu giữ vững chủ quyền lãnh thổ, mà còn là sự khẳng định quyền sống, quyền tự do và phẩm giá của con người. Trong hoàn cảnh chiến tranh, quyền sống là giá trị cơ bản nhất. Nếu lãnh thổ bị chiếm đóng, con người sẽ đối mặt với nguy cơ bị diệt vong cả về thể chất lẫn tinh thần. Tự do là một trong những mục tiêu cao nhất của người Việt trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc để làm tự do làm chủ đất nước đến tự do sống theo cách riêng của mỗi cá nhân. Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền tự do là mục tiêu hàng đầu của các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Các cuộc đấu tranh đó còn nhằm để bảo vệ lòng tự trọng và phẩm giá của dân tộc, khẳng định người Việt Nam không khuất phục trước bất kỳ thế lực nào. Lời tuyên bố "Nam quốc sơn hà" (năm 1076) trong cuộc chiến tranh chống quân Tống xâm lược đến "Bình Ngô đại cáo" (năm 1428) để tuyên cáo kết thúc cuộc kháng chiến chống Minh, không chỉ thể hiện tinh thần bảo vệ đất nước mà còn là sự khẳng định tầm vóc, vị thế con người Việt Nam trên trường quốc tế. Trên thực tế, cuộc kháng chiến chống Minh còn nhằm khôi phục văn hóa, phong tục và giáo dục bị áp đặt bởi nhà Minh, giữ gìn giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc. Có thể thấy trong lịch sử Việt Nam, những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đã hun đúc nên một nội hàm quyền con người gắn liền với quyền tự quyết dân tộc, quyền tự do, và quyền được sống trong một nền văn hóa độc lập. Những giá trị này là nền tảng vững chắc để xây dựng một quốc gia độc lập và thịnh vượng, đồng thời cũng là cơ sở để phát triển nội hàm quyền con người trong bối cảnh hiện đại.

2.3. Quyền con người trong Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang giá trị nền tảng và đánh dấu bước tiến trong tư duy nhân quyền

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa truyền thống yêu nước và bảo vệ quyền con người trong lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, Người đã mở rộng khái niệm này theo tinh thần quốc tế, đưa quyền con người vào một tầm nhìn hiện đại và toàn diện hơn trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945. Tuyên ngôn không chỉ là một bản tuyên bố độc lập dân tộc mà còn là